

Số: /BC-SNNMT

Quảng Ngãi, ngày tháng 3 năm 2025

BÁO CÁO

**Giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm tra của Ban Dân tộc HĐND tỉnh
theo Báo cáo số 45/BC-HĐND ngày 14/3/2025**

Kính gửi: Hội đồng nhân tỉnh Quảng Ngãi

Trên cơ sở ý kiến thẩm tra của Ban Dân tộc HĐND tỉnh tại Báo cáo số 45/BC-HĐND ngày 14/3/2025 Thẩm tra dự thảo Nghị quyết Quy định thẩm quyền quyết định thanh lý rừng trồng thuộc sở hữu toàn dân trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi kèm theo Tờ trình số 36/TTr-UBND ngày 03/3/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh,

Sở Nông nghiệp và Môi trường báo cáo tiếp thu, giải trình và hoàn thiện dự thảo Nghị quyết theo ý kiến thẩm tra của HĐND tỉnh, cụ thể như sau:

1. Tại Điều 3 dự thảo Nghị quyết (Nội dung quy định thẩm quyền), quy định: “Ủy ban nhân dân các cấp quyết định thanh lý rừng trồng thuộc sở hữu toàn dân trên phạm vi, trách nhiệm quản lý theo phân cấp”

1.1. “a) Đề nghị giải trình, làm rõ cơ sở đề xuất giao thẩm quyền cho Ủy ban nhân dân các cấp quyết định thanh lý rừng trồng thuộc sở hữu toàn dân trên địa bàn tỉnh.”

Sở Nông nghiệp và Môi trường giải trình như sau:

Khoản 1 Điều 3 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, quy định: “Tài sản công là tài sản thuộc sở hữu toàn dân do Nhà nước đại diện chủ sở hữu và thống nhất quản lý...”. Đồng thời, tại Điều 102 Luật Lâm nghiệp năm 2017, quy định cụ thể trách nhiệm quản lý nhà nước về lâm nghiệp của Ủy ban nhân dân các cấp (cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã) và tại khoản 1 Điều 18 Luật quản lý, sử dụng tài sản công quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân các cấp: “Thực hiện quyền, trách nhiệm của đại diện chủ sở hữu đối với tài sản công thuộc phạm vi quản lý của địa phương...”

Như vậy “thanh lý rừng trồng thuộc sở hữu toàn dân” là hoạt động quản lý, sử dụng tài sản công và cũng là hoạt động quản lý, sử dụng rừng. Vì vậy, đơn vị soạn thảo đề xuất giao thẩm quyền cho Ủy ban nhân dân các cấp quyết định thanh lý rừng trồng thuộc sở hữu toàn dân trên địa bàn tỉnh theo phân cấp là phù hợp.

1.2. “b) Đồng thời, làm rõ việc không đề xuất giao thẩm quyền cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp quyết định thanh lý rừng trồng thuộc sở hữu toàn dân trên địa bàn tỉnh, để đảm bảo quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định số 140/2024/NĐ-CP ngày 25/10/2024 của Chính phủ Quy định về thanh lý rừng

trồng, cụ thể: Tuân thủ theo quy định của pháp luật về lâm nghiệp; pháp luật về quản lý đầu tư công¹ và pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công².”

Sở Nông nghiệp và Môi trường giải trình như sau:

(i) Tại khoản 4 Điều 102 Luật Lâm nghiệp quy định: “**Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp** chịu trách nhiệm về **cháy rừng, phá rừng hoặc mất rừng do hành vi vi phạm pháp luật** trong lĩnh vực quản lý, bảo vệ rừng gây ra thuộc phạm vi lĩnh vực, địa bàn quản lý”.

(ii) Tuy nhiên, theo Điều 4 Nghị định số 140/2024/NĐ-CP, nguyên nhân **thanh lý rừng trồng**, gồm:

“1. Do thiên tai theo quy định của pháp luật về phòng chống thiên tai, gồm: bão, áp thấp nhiệt đới, gió mạnh trên biển, lốc, sét, mưa lớn, lũ, lũ quét, ngập lụt; sạt lở đất, sụt lún đất do mưa lũ hoặc dòng chảy hoặc hạn hán; nước dâng, xâm nhập mặn, nắng nóng, hạn hán, cháy rừng do tự nhiên, rét hại, mưa đá, sương mù, sương muối, động đất, sóng thần và các loại thiên tai, sự cố, thảm họa khác.

2. Do dịch sâu, bệnh và sinh vật khác gây hại rừng.”

Vì vậy, đơn vị soạn thảo “không đề xuất giao thẩm quyền cho **Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp** quyết định thanh lý rừng trồng thuộc sở hữu toàn dân trên địa bàn tỉnh” vì **chưa đảm bảo** theo phân cấp quản lý quy định của pháp luật về lĩnh vực lâm nghiệp.

1.3. “b) Đề nghị giải trình, làm rõ “phạm vi, trách nhiệm quản lý theo phân cấp”, trong trường hợp nào thì thuộc phạm vi, trách nhiệm quản lý của UBND tỉnh, UBND cấp huyện, UBND cấp xã và thẩm quyền phân cấp cụ thể đối với các trường hợp này.”

Sở Nông nghiệp và Môi trường giải trình như sau:

(i) Phạm vi, trách nhiệm **quản lý** theo phân cấp đối với UBND các cấp đã được quy định cụ thể tại khoản 1, 2, 3 Điều 102 Luật Lâm nghiệp 2017, cụ thể:

+ Theo điểm d khoản 1, UBND cấp tỉnh có trách nhiệm: “Giao rừng, cho thuê rừng, chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác, thu hồi rừng đối với tổ chức; tổ chức trồng rừng thay thế;”

+ Theo điểm d khoản 2, UBND cấp huyện: “Giao rừng, cho thuê rừng, chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác, thu hồi rừng đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư; lập hồ sơ quản lý rừng; tổ chức trồng rừng thay thế;”

¹ Tại khoản 3, khoản 4 Điều 38 Luật Đầu tư công năm 2024 quy định Chủ tịch UBND cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã quyết định đầu tư chương trình, dự án.

² Tại khoản 2 Điều 17 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công (đã được sửa đổi, bổ sung) quy định: “2. Căn cứ quy định tại Luật này, phân cấp của Chính phủ, **Hội đồng nhân dân cấp tỉnh** quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định trong việc quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của địa phương cho **Hội đồng nhân dân cấp huyện, cấp xã, Ủy ban nhân dân các cấp, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp**, người đứng đầu cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị”.

+ Theo điểm c khoản 3, UBND cấp xã: “*Tổ chức quản lý, bảo vệ diện tích rừng Nhà nước chưa giao, chưa cho thuê;*”

(ii) Ngoài ra, theo Điều 23 Luật Lâm nghiệp năm 2017, được sửa đổi bổ sung tại khoản 6 Điều 248 Luật Đất đai năm 2024, quy định:

“1. *Thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được quy định như sau:*

a) *Giao rừng, cho thuê rừng, chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác, thu hồi rừng đối với tổ chức, trừ trường hợp quy định tại điểm c khoản 2 Điều này;*

b) *Cho doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam thuê đất để trồng rừng sản xuất.*

2. *Thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện được quy định như sau:*

a) *Giao rừng, cho thuê rừng, chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối với hộ gia đình, cá nhân;*

b) *Giao rừng, chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối với cộng đồng dân cư;*

c) *Thu hồi rừng đối với trường hợp thu hồi đất có rừng thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện theo quy định của Luật Đất đai.*”

3. *Trường hợp trong khu vực thu hồi rừng có cả đối tượng quy định tại điểm a khoản 1 và khoản 2 Điều này thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thu hồi rừng hoặc ủy quyền cho Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thu hồi rừng.*”

(iii) Hiện nay, diện tích “rừng trồng thuộc sở hữu toàn dân” đã được UBND cấp tỉnh, UBND cấp huyện giao rừng gắn với giao đất theo thẩm quyền được phân cấp; các chủ rừng được giao để quản lý, gồm: Ban Quản lý rừng phòng hộ; công ty lâm nghiệp; hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư; UBND cấp xã quản lý đối với diện tích rừng chưa giao. Hàng năm, diện tích rừng thuộc sở hữu toàn dân được nhà nước cấp kinh phí từ ngân sách để quản lý bảo vệ.

Do đó, phạm vi, trách nhiệm quản lý theo phân cấp cụ thể của UBND tỉnh, UBND cấp huyện, UBND cấp xã đã thể hiện đầy đủ theo quy định của Luật Lâm nghiệp.

2. Theo điểm a khoản 3 Điều 12 (Quản lý, sử dụng tiền thu được từ thanh lý rừng trồng) Nghị định số 140/2024/NĐ-CP ngày 25/10/2024 của Chính phủ quy định: “*Trường hợp không có nguồn thu từ bán lâm sản hoặc nguồn thu từ bán lâm sản nhỏ hơn chi phí thực hiện thanh lý rừng trồng, xử lý như sau: a) Hội đồng nhân dân cấp tỉnh xem xét xử lý bằng nguồn ngân sách của địa phương đối với rừng trồng thuộc địa phương quản lý;*”. Tại dự thảo Nghị quyết trình HĐND tỉnh không quy định nội dung này, đề nghị giải trình, làm rõ thêm những khó khăn, vướng mắc có thể xảy ra và việc xử lý trong thực tế nếu xảy ra trường hợp không có nguồn thu từ bán lâm sản hoặc nguồn thu từ bán lâm sản nhỏ hơn chi phí thực hiện thanh lý rừng trồng.

Sở Nông nghiệp và Môi trường giải trình như sau:

(i) Nghị định số 140/2024/NĐ-CP, không giao Hội đồng nhân dân cấp tỉnh **quy định** nên đơn vị không có cơ sở pháp lý để tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh quy định nội dung này.

(ii) Điều 8 Nghị định số 140/2024/NĐ-CP về hình thức thanh lý rừng trồng:

“1. Chặt bỏ, vệ sinh rừng đối với rừng trồng không có giá trị lâm sản;

2. Bán lâm sản khai thác tận dụng đối với rừng trồng có giá trị lâm sản.

*3. Căn cứ vào từng loại rừng theo từng trường hợp quy định tại **Điều 7 Nghị định này**, cơ quan có thẩm quyền quyết định thanh lý rừng trồng lựa chọn hình thức thanh lý rừng trồng phù hợp với điều kiện cụ thể tại địa phương và thực hiện khai thác theo quy định của pháp luật về lâm nghiệp.”*

Vì vậy khi lập, thẩm định hồ sơ đề nghị cơ quan có thẩm quyền xem xét quyết định **hình thức** thanh lý rừng trồng; phải căn cứ trên cơ sở các trường hợp rừng trồng được thanh lý quy định tại **Điều 7 Nghị định** số 140/2024/NĐ-CP, phù hợp với điều kiện cụ thể tại địa phương và thực hiện khai thác theo quy định của pháp luật về lâm nghiệp

(iii) Trường hợp không có nguồn thu từ bán lâm sản hoặc nguồn thu từ bán lâm sản nhỏ hơn chi phí thực hiện thanh lý rừng trồng; Tổ chức có rừng trồng được thanh lý đề xuất phân bổ, bổ sung phần kinh phí còn thiếu để HĐND tỉnh **xem xét, xử lý theo quy định của** Luật Ngân sách nhà nước.

Kính báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

(có dự thảo Nghị Quyết kèm theo)./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban Dân tộc HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh (b/cáo);
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- GĐ, PGĐ Sở (p/t LN);
- Phòng KH, TC Sở;
- Văn phòng Sở;
- Chi cục Kiểm lâm;
- Lưu: VT, ntkp.

GIÁM ĐỐC

Hồ Trọng Phương